

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **84/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 14/9/2020.

V/v: “*Xin ly hôn và tranh chấp*

Nuôi con chung”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ, TỈNH KIÊN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Phương Thanh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Trần Thị Lệ.
2. Ông: Nguyễn Quốc Tiến.

Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Tú** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 489/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2019 về việc “Xin ly hôn và tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Hồng T**, sinh năm: 1979. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 128 đường Nguyễn Biểu, khu phố 2, phường Vĩnh Lợi, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

* Bị đơn: Ông **Võ Văn T2**, sinh năm: 1975. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 128 đường Nguyễn Biểu, khu phố 2, phường Vĩnh Lợi, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Võ Văn T2 tự nguyện đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Lợi, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang vào ngày

18/7/2002. Trong quá trình chung sống, giữa bà T và ông T2 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và bất hòa, bất đồng quan điểm, tính tình không hợp và thường xuyên cự cãi nhau, cuộc sống không còn hạnh phúc, ông T2 nhiều lần có hành vi bạo lực gia đình đối với bà T. Giữa vợ chồng đã hàn gắn nhiều lần nhưng không thành và đã ly thân từ tháng 11/2018 cho đến nay. Nay thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T2.

Về con chung: Bà T xác nhận giữa bà và ông T2 quá trình chung sống có 02 người con chung tên Võ Thị Kim A, sinh ngày 10/5/1999 và Võ Hoàng H, sinh ngày 26/7/2004, hiện nay đang sống cùng với bà T. Bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Võ Hoàng H và không yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên Võ Thị Kim A đã thành niên, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác nhận không có tài sản chung và cam kết không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng T vẫn giữ nguyên các yêu cầu như đã trình bày.

** Bị đơn ông Võ Văn T2 vắng mặt tại phiên tòa.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà Nguyễn Thị Hồng T khởi kiện xin ly hôn với ông Võ Văn T2 có nơi đăng ký thường trú và chỗ ở số 128 đường Nguyễn Biểu, khu phố 2, phường Vĩnh Lợi, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn ông Võ Văn T2 đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, cũng không có căn cứ cho việc vắng mặt của ông T2 là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Võ Văn T2 tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được UBND phường Vĩnh Lợi, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày

18/7/2002, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Bà T khởi kiện xin ly hôn ông T2 với lý do: Thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn bất hòa và cự cãi, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, ông T2 nhiều lần có hành vi bạo lực gia đình đối với bà T. Bà T và ông T2 đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành và cũng đã sống ly thân từ tháng 11/2018 cho đến nay.

Bị đơn ông Võ Văn T2 đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng ông T2 vẫn cố tình vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu xin ly hôn cũng như chứng cứ do bà T cung cấp. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông T2 đã được Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng ông T2 vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa, bà T xác định giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Hồng T.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, sau khi nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Hồng T.

[4] *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị Hồng T xác nhận giữa bà và ông T2 có 02 người con chung tên Võ Thị Kim A, sinh ngày 10/5/1999 và Võ Hoàng H, sinh ngày 26/7/2004, hiện nay đang sống cùng với bà T. Bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Võ Hoàng H và xác định đủ điều kiện tự nuôi con nên không yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con chung tên Võ Thị Kim A đã thành niên, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy con chung Võ Hoàng H đang sống cùng với bà T, nên cần thiết giao cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng để ổn định cuộc sống và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Hiếu. Căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung của bà Nguyễn Thị Hồng T.

Ông Võ Văn T2 có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản ông T2 thực hiện các quyền này.

[5] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Bà T xác định đủ điều kiện tự nuôi con nên tự nguyện không yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết cấp dưỡng nuôi con trong vụ kiện này.

[6] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà Nguyễn Thị Hồng T xác định giữa bà và ông T2 không có tài sản chung và cam kết hiện nay không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

trong vụ kiện này. Nếu các bên có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

[7] *Về án phí*: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 và Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bà Nguyễn Thị Hồng T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009583 ngày 28/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá. Bà Nguyễn Thị Hồng T đã nộp đủ án phí phải nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 và Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Hồng T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng T được ly hôn với ông Võ Văn T2.

2. Về con chung: Giao con chung tên Võ Hoàng H, sinh ngày 26/7/2004 cho bà Nguyễn Thị Hồng T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc không yêu cầu ông Võ Văn T2 cấp dưỡng nuôi con chung.

Nếu sau này, trong quá trình nuôi dưỡng con chung cho đến khi đủ 18 tuổi, bà T gặp khó khăn về kinh tế thì có quyền yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi con chung; hoặc trong trường hợp bà T không còn đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung thì có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

Ông Võ Văn T2 có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản ông T2 thực hiện các quyền này.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Hồng T xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết và cam kết hiện nay không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Nếu ông Võ Văn T2 có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009583 ngày 28/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá. Bà Nguyễn Thị Hồng T đã nộp đủ án phí phải nộp.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 14/9/2020). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thành viên Hội đồng xét xử

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Tiến

Trần Thị Lệ

Vũ Thị Phương Thanh